

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TKD24B5**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02215**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Soạn thảo văn bản**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2453403020176	Võ Văn	An	14/01/2007			5	5.0	7.5		0.0	0.0	2.4
2	2453403020177	Bùi Thị Ngọc	Anh	03/03/2009			6	9.0	9.5		7.5		7.9
3	2453403020178	Lâm Thị Kim	Anh	15/08/2009			6	9.0	9.0		7.5		7.9
4	2453403020179	Nguyễn Trương Huỳnh	Anh	27/02/2009			8	8.5	8.5		7.5		7.9
5	2453403020180	Huỳnh Vũ Khánh	Băng	15/05/2009			9.5	5.0	7.5		0.0	0.0	2.8
6	2453403020181	Phan Thị Khánh	Băng	06/10/2009			8.5	8.0	9.5		8.5		8.6
7	2453403020182	Nguyễn Thị Kim	Châu	20/08/2009			5	7.5	8.0		6.0		6.5
8	2453403020183	Huỳnh Thị Thùy	Dương	30/01/2009			6	7.0	7.5		7.0		7.0
9	2453403020184	Lê Huỳnh	Đức	17/09/2009			9	7.0	7.5		6.5		6.9
10	2453403020185	Nguyễn Bảo	Hưng	25/07/2009			9	8.5	9.0		7.5		8.0
11	2453403020186	Lê Minh	Khải	01/10/2009			9	8.0	8.5		5.5		6.7
12	2453403020187	Bùi Minh	Khang	12/02/2009			8.5	8.0	8.5		7.0		7.5
13	2453403020188	Bùi Tấn	Kiệt	04/10/2009			6	8.5	8.5		8.0		8.0
14	2453403020189	Mai Phi	Long	26/02/2009			6	9.0	9.5		8.0		8.2
15	2453403020190	Nguyễn Ngọc Thảo	Ly	14/09/2009			6	8.5	8.5		8.0		8.0
16	2453403020191	Hồ Bảo	My	09/10/2009			10	8.0	9.5		8.0		8.4
17	2453403020192	Nguyễn Hoàng	Mỹ	08/05/2009			10	8.0	8.5		8.0		8.2
18	2453403020193	Trương Văn	Nam	26/06/2009			9	5.0	8.5		6.5		6.8
19	2453403020194	Trương Thị Mỹ	Ngân	23/10/2009			6.5	5.0	9.5		8.0		7.6
20	2453403020195	Nguyễn Thụy Bảo	Ngọc	05/11/2009			9	8.5	9.5		8.0		8.4
21	2453403020196	Trần Kim	Ngọc	12/06/2009			5	7.0	7.5		6.0		6.3
22	2453403020197	Trần Như	Ngọc	30/03/2009			6	8.0	8.5		7.0		7.3
23	2453403020198	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/03/2008			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
24	2453403020199	Huỳnh Lê Tuyết	Như	28/07/2009			8	5.0	8.5		7.0		7.0
25	2453403020200	Trần Đào Nhật	Phát	11/12/2009			6	9.0	8.5		7.0		7.5
26	2453403020201	Võ Hoàng	Phúc	11/07/2009			5	5.0	7.5		6.0		6.0
27	2453403020202	Huỳnh Thị	Soan	02/10/2009			6	7.0	7.5		6.5		6.7
28	2453403020203	Võ Văn	Tâm	14/07/2009			9	5.0	7.5		6.5		6.6
29	2453403020204	Nguyễn Quốc	Thái	11/04/2009			9	7.0	8.0		5.5		6.4
30	2453403020205	Nguyễn Duy	Thanh	07/05/2009			9	9.0	9.0		8.0		8.4
31	2453403020206	Nguyễn Thanh	Thanh	18/02/2009			6	0.0	0.0		0.0	0.0	0.5
32	2453403020207	Hà Thanh	Toàn	24/03/2009			5	5.0	8.5		7.0		6.8
33	2453403020208	Nguyễn Thị Thùy	Trang	17/05/2009			9	8.0	8.5		8.5		8.5
34	2453403020209	Nguyễn Thị Tường	Vy	04/04/2009			9.5	8.0	9.0		7.0		7.7
35	2453403020210	Dương Hải	Yến	27/04/2009			6	8.5	8.0		8.0		7.9
36	2453403020211	Huỳnh Thị Kim	Yến	04/10/2009			9.5	8.0	9.0		7.5		8.0

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2453403020212	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	27/01/2009				9.5	5.0	8.0			0.0	0.0	2.8
38	2453403020213	Võ Phi	Yến	10/09/2009				6	9.0	9.0			7.5		7.9

Châu Đốc, ngày 19 tháng 3 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Ngọc Xoàn